

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Cả người bị hại và người có quyền lợi liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lê Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13h ngày 29/12/2015, Lê Văn N đến cửa hàng dán xe máy của anh Vũ Văn A sinh năm 1994 ở xã B, huyện T. Tại đây N gặp anh Nguyễn Huy T; sinh năm 1988 trú cùng thôn V, xã H, huyện T với N. Thấy T đi xe mô tô hiệu Exerter BKS: 36C1 - 228.xy, N hỏi anh T mượn xe để đi mua thẻ điện thoại; anh T đồng ý. Khi mượn được xe thì N điều khiển xe đi mua thẻ điện thoại, nhưng không mua được. Lúc này do không còn tiền tiêu nên N nảy sinh ý định đem cầm chiếc xe của anh T.

Sau đó N đi xe đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ: D D1 (*Có giấy chứng nhận theo quy định*) ở thôn T, xã B, huyện T để cầm chiếc xe Mô tô BKS: 36C1-228.xy. Tại đây N gặp anh Phạm Ngọc D1; sinh năm 1982 và vợ anh D1 là chị Nguyễn Thị D; sinh năm 1984. N nói với anh D1, chị D là xe của bạn nhờ đi cầm nên vợ chồng anh D1 đồng ý cho N cầm chiếc xe mô tô BKS: 36C1-228.xy với số tiền 17.250.000đ (*Mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) trong vòng 01 tháng với lãi suất 15%/tháng. N đưa giấy tờ xe và chứng minh thư nhân dân của N để lại hiệu cầm đồ.

Khi cầm xe lấy được tiền N tiêu xài cá nhân hết, khi anh T hỏi xe do không còn tiền để lấy xe ra trả cho anh T. Đến ngày 02/4/2016 anh Nguyễn Huy T xuống hiệu cầm đồ nói chiếc xe trên là của anh T, thì vợ chồng anh D1, chị D đã đem xe đến Công an xã B, huyện T giao nộp. Sau khi gây án, sợ bị công an truy bắt nên Lê Văn N bỏ trốn khỏi địa phương vào các tỉnh phía Nam. Đến ngày 29/5/2017 ra đầu thú tại cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Tại kết luận về việc định giá tài sản trong Tố tụng hình sự số 45/KLĐGTS ngày 04/5/2016 Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: Xe mô tô BKS: 36C1-228.xy trị giá 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

Về dân sự và vật chứng:

- Xe Mô tô BKS: 36C1-228.xy cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ, xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên đã trả lại cho anh Nguyễn Huy T. Anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

- Gia đình Lê Văn N đã trả lại số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) cho chị Nguyễn Thị D, chị D đã nhận lại số tiền nói trên và không có yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 112/CT-KSĐT-VKS ngày 8/8/2017 của VKSND huyện Tĩnh Gia đã truy tố Lê Văn N về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa VKS đề nghị:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Lê Văn N.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt với Lê Văn N từ 6 đến 9 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ 3 ngày tạm giữ).

***Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:**

- Xe Mô tô BKS: 36C1-228.xy cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ, xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên đã trả lại cho anh Nguyễn Huy T. Anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét;

- Gia đình Lê Văn N đã trả lại số tiền 17.250.000đ (*Mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) cho chị Nguyễn Thị D, chị D đã nhận lại số tiền nói trên và không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Trách nhiệm chịu án phí đối với bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, bị cáo,

XÉT THẤY:

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Lê Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với tang vật vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà hôm nay. Có đủ căn cứ để khẳng định VKSND huyện Tĩnh Gia truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia thực hành quyền công tố tại phiên toà hôm nay vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận Lê Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 140 BLHS là chính xác.

***Xét tính chất vụ án:** Lê Văn N là thanh niên tuổi đời còn trẻ, có sức khoẻ, đáng lẽ phải tự lao động để tạo nguồn thu nhập cho cuộc sống của mình và gia đình. Nhưng do không chịu tu dưỡng, rèn luyện, muốn hưởng thụ nhưng lại không chịu lao động nên đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Trong vụ án này, Lê Văn N đã lợi dụng lòng tin của anh T để mượn xe nhưng sau đó đã đem xe mượn từ anh T đi cầm cố. Khi cầm cố xe, bị cáo đã lừa dối chị D là bạn nhờ đi cầm xe để chị D tin và đồng ý cho bị cáo cầm cố lấy 17.250.000đ (*Mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho cơ quan điều tra khi tiến hành điều tra vụ án, cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia phải ra quyết định truy nã đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử buộc phải chịu một hình phạt là cần thiết. Vì vậy cần phải có đường lối xử lý tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra cũng như giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

***Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng:**

Ngày 11/3/2014, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 6 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản". Tuy đã được xoá án tích, nhưng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo không đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện. Chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, còn cố tình không chịu rèn luyện, cải sửa mình thành con người tốt, do đó nghĩ cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần áp dụng điểm p khoản 1, 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo vì quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; gia đình bị cáo đã tự nguyện trả lại cho chị Nguyễn Thị D số tiền mà bị cáo đã cầm cố xe máy lấy tiền tiêu sài cá nhân; Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú tại cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia.

***Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:**

- Xe Mô tô BKS: 36C1-228.xy cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ, xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên đã trả lại cho anh Nguyễn Huy T. Anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm nên HĐXX không xem xét;

- Gia đình Lê Văn N đã trả lại số tiền 17.250.000đ (*Mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) cho chị Nguyễn Thị D, chị D đã nhận lại số tiền nói trên và không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

***Đối với hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 Điều 140 BLHS quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng...". Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

***Án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

-Áp dụng: Khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1, 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 và Điều 33 BLHS năm 1999 đối với bị cáo Lê Văn N.

-Xử phạt: Lê Văn N 6 tháng tù, được trừ 3 ngày đã tạm giữ (từ ngày 29/5 đến ngày 01/6/2017). Thời hạn tù còn lại là 5 tháng 27 ngày được tính từ ngày bắt thi hành án.

-Án phí:Áp dụng Điều 99, 231, 234 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23, mục 1 phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi liên quan tại phiên tòa. Tuyên bố bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi liên quan;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hạnh